

Bản tin Phân tích kỹ thuật

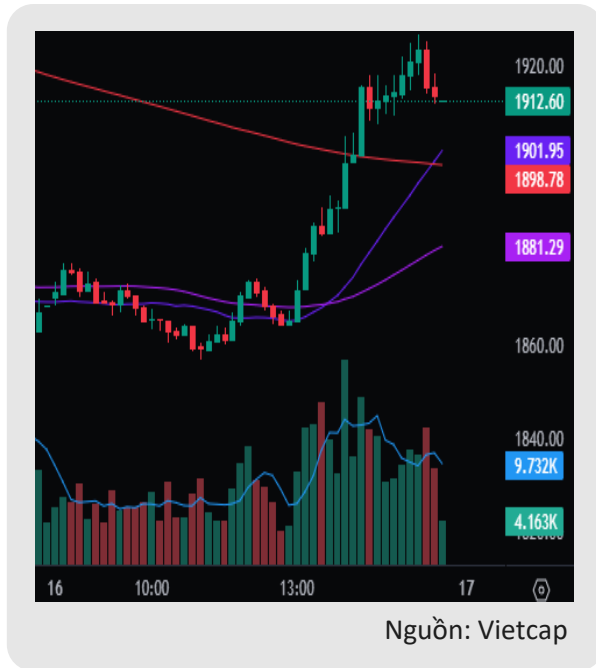
16/12/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- VN30F2512 có tín hiệu tăng giá nhờ đóng cửa trên các đường MA20, MA50 và MA200. (M5)
- Vị thế mua được ưu tiên với mục tiêu là vùng giá cao 1.925 điểm, dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 1.905 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua (B): 1.910 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.925 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.905 điểm

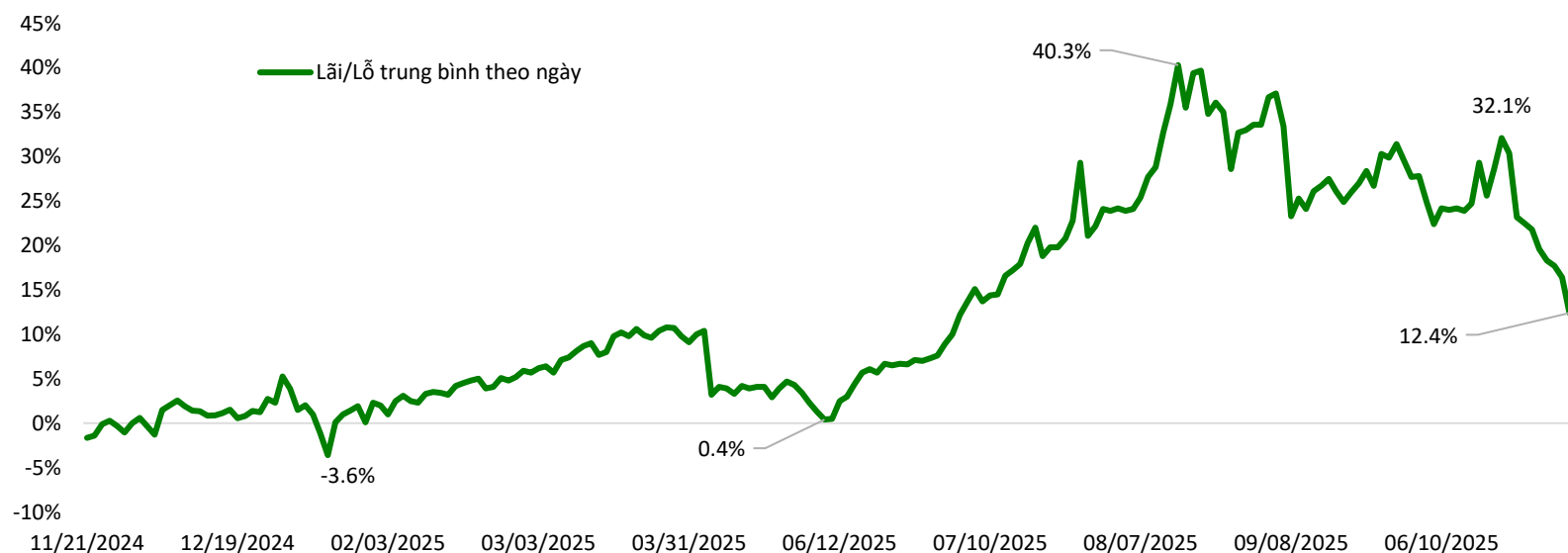
Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index phục hồi kèm hoạt động tăng mạnh trên diện rộng sàn HOSE và ở mọi phân khúc vốn hóa. Chỉ số đóng cửa giữ được phần lớn đà tăng trong ngày cho thấy gia tốc giảm từ giai đoạn trước đã suy yếu. Tuy nhiên, mức Tiêu cực ngắn hạn vẫn duy trì trên tất cả các rổ chỉ số cho đến khi ghi nhận đầy đủ tín hiệu cho sự thiết lập quán tính tăng ổn định.
- Hoạt động mua vùng thấp cải thiện đồng đều trên các nhóm ngành sau khi áp lực bán tháo chững lại ở phiên 15/12. Về mặt kỹ thuật, 60% cổ phiếu Ngân hàng, 100% cổ phiếu Dầu khí, trên 50% cổ phiếu Tiêu dùng có tín hiệu hình thành cấu trúc tăng giá/hồi phục ổn định trong thời gian tới.
- Xuất hiện tín hiệu khả quan từ lực cầu giá thấp diện rộng quanh vùng giá 1.630 điểm sẽ gia cố khả năng tạo đáy tại đây và vùng 1.690-1.700 sẽ là mục tiêu tiếp theo trong phiên 17/12. Tuy nhiên, VN-Index đã điều chỉnh mạnh trong tuần 08-12/12 nên không loại trừ khả năng chỉ số tăng trong sự giằng co, ảnh hưởng bởi hoạt động bán tồn đọng từ giai đoạn giảm mạnh trước.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
KDH	05/12/2025	10/12/2025	Dừng lỗ	32,500	34,000	-4.4%	33,300	38,000	32,900	
CEO	05/12/2025	10/12/2025	Dừng lỗ	24,200	26,000	-6.9%	24,400	31,000		
DGW	05/12/2025	12/12/2025	Dừng lỗ	41,000	43,550	-5.9%	41,000	49,400		
MBB	09/12/2025	12/12/2025	Dừng lỗ	24,000	25,000	-4.0%	24,200	28,400		
TCB	09/12/2025	12/12/2025	Dừng lỗ	32,000	33,600	-4.8%	32,400	38,500		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPL	84,300	6.98%	-18.16%	151,175	2.268	-60	4.2	-1,413.8	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
VHM	95,000	2.70%	-11.63%	390,204	2.267	6,133	1.8	15.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDB	32,100	7.00%	1.90%	123,887	1.864	4,077	1.9	7.9	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
TCB	33,000	3.13%	-2.37%	233,846	1.571	3,111	1.4	10.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	51,000	2.62%	1.80%	273,870	1.540	6,208	1.6	8.2	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MWG	82,000	5.53%	-2.38%	120,413	1.432	3,956	3.8	20.7	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
VPB	28,250	2.73%	-1.74%	224,133	1.314	2,603	1.5	10.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	24,450	2.95%	-1.01%	196,945	1.248	3,017	1.6	8.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
GAS	64,300	3.54%	0.47%	155,153	1.181	5,014	2.4	12.8	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
BSR	15,400	6.94%	6.57%	77,112	1.151	413	1.3	37.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	44,450	3.86%	1.02%	132,785	1.100	3,469	3.1	12.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	30,250	6.51%	5.22%	75,356	1.055	1,872	2.4	16.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	64,200	3.55%	2.72%	134,175	1.023	4,160	3.9	15.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GVR	26,500	3.52%	-1.49%	106,000	0.801	1,569	1.8	16.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,700	1.71%	1.14%	204,935	0.755	1,876	1.6	14.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	96,300	-9.83%	-16.98%	19,260	-1.682	9,526	4.2	10.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	16,500	7.84%	0.61%	17,627	1.228	488	1.7	33.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	22,900	9.57%	-7.29%	12,994	1.104	360	2.1	63.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	21,400	5.42%	0.94%	19,248	0.926	1,518	1.6	14.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	27,300	3.41%	-2.50%	17,982	0.545	1,668	2.6	16.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	13,700	2.24%	-1.44%	26,367	0.524	-3,684	3.9	-3.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	32,100	3.55%	3.55%	16,417	0.517	2,841	1.1	11.3	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
IDC	37,000	2.49%	-0.80%	14,041	0.311	4,849	2.1	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	88,000	1.50%	-10.02%	20,613	0.275	5,156	2.3	17.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
IPA	19,300	7.22%	5.46%	4,127	0.265	2,558	0.9	7.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	69,900	1.60%	-1.55%	210,053	0.093	3,046	5.6	22.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	213,800	0.94%	-0.42%	225,095	0.059	7,722	14.1	27.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
ACV	52,500	0.38%	-1.13%	188,262	0.020	2,971	2.8	17.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
ABB	15,500	4.03%	0.00%	15,748	0.018	1,997	1.0	7.6	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VSF	25,200	5.00%	-3.08%	12,599	0.017	35	5.5	729.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
KLB	16,300	3.16%	-0.61%	9,217	0.008	2,609	1.2	6.1	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
PAT	96,000	-10.20%	-11.93%	2,437	-0.007	14,133	3.2	6.9	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DSP	16,600	12.16%	27.69%	1,994	0.007	-848	2.3	-19.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PMW	37,000	12.12%	7.25%	1,850	0.006	1,945	3.1	19.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PAP	25,100	3.72%	-1.57%	5,916	0.006	-1,736	2.9	-14.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực

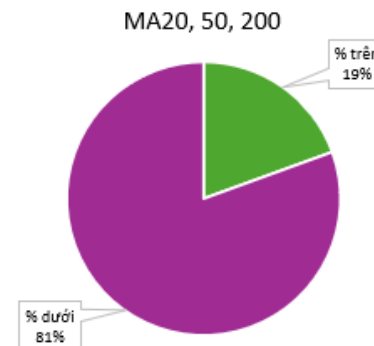
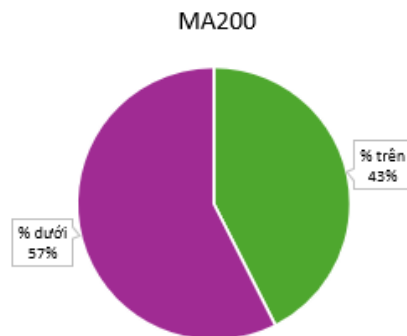
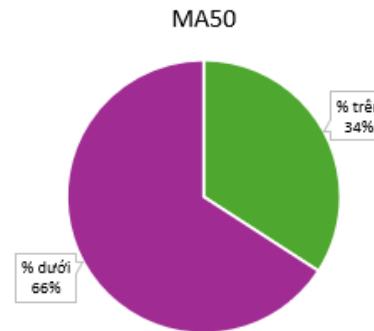
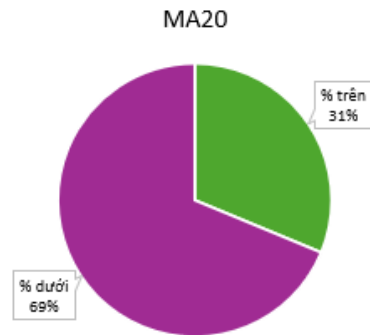
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BMP	177,600	1.3%	51.7	24.1	98,273	176,000	4.6	12.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHI	16,350	6.9%	11.6	7.4	13,715	16,191	1.5	49.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VLB	52,300	5.7%	13.0	2.3	35,310	50,100	3.1	9.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NNC	68,700	5.4%	7.7	4.1	21,271	65,200	3.1	13.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHA	62,000	3.3%	20.1	7.0	33,590	60,000	1.9	9.3	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MST	6,900	7.8%	26.1	15.5	4,546	6,727	0.9	27.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PWA	6,500	14.0%	5.6	0.3	2,900	5,700	0.9	-30.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KOS	36,500	-5.2%	16.5	15.8	38,250	42,150	3.4	523.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LDP	11,700	1.7%	8.8	0.8	9,600	14,100	2.0	17.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
DGC	86,500	-7.0%	1617.4	237.8	73,100	119,000	2.1	10.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PAT	96,000	-10.2%	30.6	3.8	78,651	109,000	3.2	6.9	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LHC	116,000	2.7%	8.5	1.8	65,000	120,100	3.0	11.7	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VLB	52,300	5.7%	13.0	2.3	35,310	50,100	3.1	9.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			16/12/2025	15/12/2025	12/12/2025	11/12/2025	10/12/2025	09/12/2025	08/12/2025	05/12/2025	04/12/2025	03/12/2025
VNINDEX	MA200	Trên	44%	40%	41%	50%	50%	51%	54%	54%	54%	52%
		Dưới	56%	60%	59%	50%	50%	49%	46%	46%	46%	48%
	MA50	Trên	30%	25%	25%	35%	36%	36%	38%	40%	44%	39%
		Dưới	70%	75%	75%	65%	64%	64%	62%	60%	56%	61%
	MA20	Trên	28%	20%	19%	33%	35%	38%	40%	49%	57%	46%
		Dưới	72%	80%	81%	67%	65%	62%	60%	51%	43%	54%
VN30	MA200	Trên	67%	63%	57%	73%	73%	73%	77%	73%	77%	77%
		Dưới	33%	37%	43%	27%	27%	27%	23%	27%	23%	23%
	MA50	Trên	30%	17%	13%	33%	37%	33%	40%	43%	57%	57%
		Dưới	70%	83%	87%	67%	63%	67%	60%	57%	43%	43%
	MA20	Trên	37%	7%	10%	23%	40%	40%	43%	67%	90%	73%
		Dưới	63%	93%	90%	77%	60%	60%	57%	33%	10%	27%
HNX	MA200	Trên	43%	43%	40%	45%	44%	45%	47%	49%	49%	48%
		Dưới	57%	57%	60%	55%	56%	55%	53%	51%	51%	52%
	MA50	Trên	36%	34%	34%	36%	35%	36%	38%	38%	39%	39%
		Dưới	64%	66%	66%	64%	65%	64%	62%	62%	61%	61%
	MA20	Trên	43%	43%	40%	45%	44%	45%	47%	49%	49%	48%
		Dưới	57%	57%	60%	55%	56%	55%	53%	51%	51%	52%
UPCOM	MA200	Trên	32%	32%	30%	33%	35%	36%	37%	36%	37%	36%
		Dưới	68%	68%	70%	67%	65%	64%	63%	64%	63%	64%
	MA50	Trên	36%	36%	34%	36%	38%	37%	38%	38%	37%	36%
		Dưới	64%	64%	66%	64%	62%	63%	62%	62%	63%	64%
	MA20	Trên	42%	41%	41%	42%	42%	43%	43%	43%	43%	43%
		Dưới	58%	59%	59%	58%	58%	57%	57%	57%	57%	57%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành	18	Tháng 12												Tháng 11							
		16 +	15	12	11	10	09	08	05	04	03	02	01	28	27	26	25	24	21	20	19
1	Y tế	64	63	66	71	70	74	77	78	76	77	72	51	48	42	41	-	-	-	-	-
2	Công nghệ Thông tin	55	55	58	47	46	44	44	46	45	42	40	37	42	42	40	46	52	55	53	55
3	Thực phẩm và đồ uống...	48	46	51	55	56	56	57	53	55	54	54	50	53	56	57	57	56	58	58	59
4	Du lịch và Giải trí	45	45	50	53	56	57	58	57	56	54	54	54	54	52	50	45	42	43	42	44
5	Hàng cá nhân & Gia đình	44	42	47	51	53	59	62	62	64	63	63	65	66	63	60	61	64	64	65	66
6	Bán lẻ	43	46	63	74	81	84	83	83	85	77	73	70	71	74	73	67	70	76	77	80
7	Điện, nước & xăng dầu...	41	36	44	47	49	50	54	53	54	55	56	56	58	59	58	60	63	67	67	65
8	Viễn thông	40	-	-	-	-	-	-	56	55	47	42	40	47	47	46	51	58	58	59	62
9	Xây dựng và Vật liệu	40	38	50	54	57	57	58	47	49	46	46	42	45	45	43	41	41	42	43	44
10	Tài nguyên Cơ bản	39	36	43	49	51	52	48	45	48	43	42	44	49	48	46	47	50	51	52	54
11	Dầu khí	39	31	42	40	40	50	47	49	49	49	48	46	48	49	49	46	50	57	61	63
12	Bảo hiểm	37	35	44	49	51	55	54	41	45	41	37	42	44	45	46	47	55	60	58	60
13	Hóa chất	37	36	44	49	52	53	56	55	59	56	52	51	53	54	54	54	54	56	57	57
14	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	35	34	43	46	47	48	47	48	50	49	48	45	50	53	51	44	45	48	42	46
15	Ngân hàng	31	31	37	42	42	45	48	45	49	43	35	31	35	34	32	29	29	31	33	35
16	Bất động sản	26	26	37	46	50	54	56	53	58	52	49	42	51	52	53	50	51	44	45	46
17	Ô tô và phụ tùng	25	22	28	30	31	21	23	22	27	25	25	20	27	37	36	41	44	43	45	48
18	Dịch vụ tài chính	15	13	16	20	20	19	22	16	24	18	16	13	14	16	16	18	19	18	19	22

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
CTG	51,000	2.6%	1.8%	273,870	1.6	8.2	6,208	759.5	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SAB	51,700	2.4%	-3.0%	66,308	2.9	15.3	3,373	106.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PNJ	92,400	1.7%	4.4%	31,522	2.6	13.4	6,915	73.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VPI	59,500	0.8%	2.2%	19,043	3.7	51.8	1,149	117.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMP	177,600	1.3%	13.0%	14,539	4.6	12.1	14,639	51.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAF	36,000	1.4%	3.4%	10,945	2.6	21.0	1,715	111.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DBC	27,950	0.9%	2.4%	10,757	1.4	6.7	4,150	151.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính
QCG	17,500	-6.9%	21.5%	4,815	1.1	42.9	408	5.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHI	16,350	6.9%	10.5%	2,779	1.5	49.1	333	11.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ELC	23,550	2.8%	3.3%	2,593	2.0	18.4	1,277	24.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VLB	52,300	5.7%	6.3%	2,405	3.1	9.1	5,637	13.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	34,750	1.2%	2.4%	2,126	2.3	17.6	1,974	21.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVC	17,600	0.0%	4.8%	1,810	1.4	13.9	1,298	5.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NNC	68,700	5.4%	15.9%	1,506	3.1	13.1	5,228	7.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VTZ	18,700	2.2%	2.2%	1,424	1.7	21.2	884	30.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DHA	62,000	3.3%	7.1%	913	1.9	9.3	6,686	20.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
BCA	15,400	0.7%	19.4%	828	0.9	-11.1	-1,494	6.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	6,900	7.8%	9.5%	784	0.9	27.7	249	26.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PWA	6,500	14.0%	80.6%	65	0.9	-30.8	-211	5.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TTF	3,850	6.9%	3.8%	1,515	8.8	60.4	64	11.7	Tích cực	8.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VEA	33,900	0.0%	-0.9%	45,005	1.4	5.9	5,767	10.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	86,500	-7.0%	-8.9%	32,851	2.1	10.4	8,296	1,617.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	96,300	-9.8%	-17.0%	19,260	4.2	10.1	9,526	13.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	36,500	-5.2%	-5.9%	7,902	3.4	523.2	70	16.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
DRC	14,700	0.0%	-3.9%	2,270	1.2	16.1	911	6.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	56,900	0.2%	-1.9%	475,438	2.1	13.5	4,202	359.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	52,500	0.4%	-1.1%	188,262	2.8	17.7	2,971	39.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
STB	47,050	0.5%	-3.1%	88,699	1.4	7.2	6,519	255.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	27,200	1.1%	-3.9%	84,633	15.1	7.2	3,765	22.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	64,800	-0.8%	-1.7%	67,068	3.1	18.1	3,576	21.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIB	17,550	2.3%	-3.3%	59,740	1.3	7.9	2,225	91.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	62,600	0.5%	-0.2%	33,908	1.7	13.1	4,776	22.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,550	1.9%	-6.2%	27,745	0.7	-7.0	-1,947	86.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	17,250	5.8%	-4.4%	19,189	1.5	43.1	400	285.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	19,500	2.6%	-10.8%	19,106	1.6	92.4	211	266.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	32,450	1.1%	-2.7%	17,179	1.6	9.1	3,578	50.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	32,200	3.2%	-8.7%	15,623	1.6	15.1	2,131	115.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DIG	17,950	2.9%	-9.3%	14,296	1.8	35.5	505	275.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	52,200	0.2%	-2.4%	12,638	2.5	9.5	5,474	19.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	55,000	0.4%	-0.4%	12,345	1.3	7.9	6,944	63.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NLG	32,200	3.21%	-8.65%	52,100	61.8%	2,131	1.6	15.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	41,600	3.74%	-2.69%	64,100	54.1%	3,090	2.1	13.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	31,600	6.76%	-5.11%	48,500	53.5%	857	2.0	36.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	16,750	0.00%	-0.30%	25,500	52.2%	178	1.3	94.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
NVL	13,550	1.88%	-6.23%	20,000	47.6%	(1,947)	0.7	-7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	37,000	2.49%	-0.80%	54,000	45.9%	4,849	2.1	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	9,370	2.40%	-6.77%	13,600	45.1%	639	0.9	14.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	32,450	1.09%	-2.70%	46,600	43.6%	3,578	1.6	9.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	52,200	0.19%	-2.43%	73,900	41.6%	5,474	2.5	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	29,950	2.57%	-1.16%	42,400	41.6%	1,763	1.7	17.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	17,250	5.83%	-4.43%	24,000	39.1%	400	1.5	43.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	24,000	1.91%	-0.41%	33,300	38.8%	3,385	1.4	7.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	86,500	-6.99%	-8.85%	118,000	36.4%	8,296	2.1	10.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	74,500	1.36%	-3.25%	101,200	35.8%	2,196	3.2	33.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	33,000	3.13%	-2.37%	44,800	35.8%	3,111	1.4	10.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	30,250	6.51%	5.22%	40,800	34.9%	1,872	2.4	16.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	34,000	-0.29%	-3.68%	45,800	34.7%	2,973	1.2	11.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	28,250	2.73%	-1.74%	38,000	34.5%	2,603	1.5	10.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,700	1.71%	1.14%	35,700	33.7%	1,876	1.6	14.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	24,450	2.95%	-1.01%	32,500	32.9%	3,017	1.6	8.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn